| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 325/BC-CP | *Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2024* |

**BÁO CÁO**
**Việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 8 năm 2022 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch)**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Kế hoạch số 743/KH-UBTVQH15 ngày 26/02/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc thực hiện các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đến hết năm 2023, Chính phủ báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15 các nội dung thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau:

**1. Tiếp tục triển khai quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 06/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và các chiến lược, chương trình, đề án của Chính phủ về phát triển du lịch như Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, Đề án cơ cấu lại ngành du lịch, đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn cả về môi trường du lịch, hạ tầng du lịch, doanh nghiệp du lịch và sản phẩm du lịch**

*a) Tình hình triển khai thực hiện:*

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 06/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật Du lịch năm 2017, ban hành theo thẩm quyền Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn". Theo đó tập trung thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành Du lịch nhằm khai thác tối đa lợi thế về sản phẩm, thị trường, các nguồn lực, hệ thống quản lý ngành, nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp, như: (1) Xây dựng hệ thống thông tin thị trường du lịch; (2) Xây dựng quy chế điều phối hoạt động du lịch theo vùng và mô hình quản lý Khu du lịch quốc gia; (3) Phát triển các nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo mà Việt Nam có lợi thế; (4) Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực lĩnh vực du lịch; (5) Ban hành và triển khai Chiến lược marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030...

Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là sau khi Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Luật Du lịch năm 2017 được ban hành, ngành du lịch đã có bước tăng trưởng vượt bậc, trung bình 22,7%/năm trong giai đoạn 2015 - 2019. Riêng trong năm 2019, toàn ngành đón trên 18 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 85 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp vào GDP trên 9,2% và từng bước khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn.

Sau tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, để phục hồi và thúc đẩy phát triển du lịch, thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; Nghị định số 30/2022/NĐ-CP về mô hình quản lý Khu du lịch quốc gia; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới; chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành tham mưu trình Chính phủ Đề án Phát triển du lịch cộng đồng Việt Nam, Đề án Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch và triển khai nhiệm vụ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong du lịch (Bộ tiêu chí đánh giá nền tảng Quản trị và kinh doanh du lịch; phát triển, nâng cấp các nền tảng số, ứng dụng Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel, nền tảng Quản trị và kinh doanh du lịch, tính năng thuyết minh đa phương tiện, hệ thống vé điện tử...); đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch thông qua các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội... Đến nay, ngành du lịch cơ bản đã lấy lại tốc độ tăng trưởng như trước khi xảy ra đại dịch.

Năm 2023, tổng số khách du lịch quốc tế đạt 12,5 triệu lượt khách, vượt mục tiêu đề ra (8 triệu lượt), đạt mục tiêu đã điều chỉnh; khách du lịch nội địa ước đạt 108 triệu lượt khách, vượt 5,8% so với kế hoạch năm. Tổng thu từ du lịch ước đạt 672 nghìn tỷ đồng, vượt 3,38% so với kế hoạch. Du lịch Việt Nam vinh dự nhận giải thưởng "Điểm đến hàng đầu châu Á 2023" và "Điểm đến thiên nhiên hàng đầu châu Á 2023" do tổ chức Giải thưởng Du lịch thế giới (WTA) trao tặng. Đây là lần thứ 5 Việt Nam được bình chọn là "Điểm đến hàng đầu châu Á", khẳng định thương hiệu và sức hút đặc biệt của du lịch Việt Nam. Du lịch được coi là điểm sáng trong tổng thể bức tranh kinh tế - xã hội đất nước.

Trong 5 tháng đầu năm 2024, tổng lượng khách quốc tế đạt 7,6 triệu lượt (tăng 65% so với cùng kỳ năm 2023), tổng lượng khách du lịch nội địa đạt 52,5 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch đạt 352 nghìn tỷ đồng.

Những kết quả đã đạt được là tổng hòa của các yếu tố: sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc tích cực của các Bộ, ngành địa phương trong công tác quản lý nhà nước, xây dựng môi trường du lịch lành mạnh, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật dịch vụ, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá du lịch Việt Nam, sự chủ động, sáng tạo của các địa phương, doanh nghiệp trong việc xây dựng sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm trải nghiệm văn hóa đặc sắc của Việt Nam, khai thác hiệu quả các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, khám phá thiên nhiên, sinh thái, du lịch lễ hội, cộng đồng ở tất cả các vùng miền.

*b) Tồn tại, hạn chế:*

- Một số thị trường khách du lịch quốc tế trọng điểm của Việt Nam vẫn chưa phục hồi được như trước dịch (Nga, Nhật, Tây Âu) do tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động.

- Nguồn nhân lực du lịch vẫn chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, cơ cấu nguồn nhân lực cả về chất lượng và số lượng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau dịch Covid-19, vẫn còn tình trạng thiếu hướng dẫn viên đối với các thị trường trọng điểm, các thị trường mới nổi như Ấn Độ.

- Vẫn còn thiếu những sản phẩm mới, đặc sắc, thiếu các khu phức hợp vui chơi giải trí - nghỉ dưỡng - mua sắm - ẩm thực hiện đại, quy mô quốc tế. Còn thiếu cảng khách chuyên biệt, môi trường kênh rạch chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch đường biển, đường sông, đường thủy nội đô.

- Hoạt động vận tải khách du lịch vẫn còn nhiều khó khăn do hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, mật độ phương tiện lưu thông cao nên thiếu điểm dừng đỗ đón trả khách tại các tuyến điểm tham quan, ùn tắc cục bộ tại các cảng hàng không những dịp cao điểm du lịch; giá vé máy bay nội địa tăng cao do tình trạng thiếu hụt máy bay…

- Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành du lịch chiếm tỷ lệ cao nên khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường và mở rộng thương hiệu quốc tế còn hạn chế.

*c) Phương hướng thực hiện trong thời gian tới:*

- Quan điểm phát triển: Chú trọng chất lượng tăng trưởng và tính chuyên nghiệp của ngành du lịch; tăng cường liên kết vùng, liên kết giữa du lịch với các ngành khác trong chuỗi giá trị phát triển du lịch; gắn phát triển du lịch với phát triển xanh, bền vững theo phương châm "lấy trải nghiệm của khách du lịch làm trung tâm"; gắn việc phát triển du lịch với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nhiệm vụ và giải pháp: Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 15/8/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày

23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới và một số nội dung trọng tâm sau:

+ Tham mưu phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch trong chỉ đạo điều phối hoạt động, thúc đẩy phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương, thúc đẩy liên kết vùng để phát triển du lịch nhanh, bền vững.

+ Tiếp tục tổ chức tuyên truyền để các cấp, các ngành và nhân dân nhận thức rõ du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và nội dung văn hóa sâu sắc.

+ Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Triển khai Kế hoạch tổng thể điều tra du lịch.

+ Xây dựng tiêu chí đánh giá, triển khai hệ thống xếp hạng về tăng trưởng xanh cho các điểm đến du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch ở Việt Nam.

+ Phối hợp với các địa phương phát triển điểm đến đẳng cấp và đa trải nghiệm với các sản phẩm du lịch sáng tạo, đặc thù, có tính liên vùng để thu hút và giữ chân du khách; xây dựng điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện, môi trường vệ sinh xanh, sạch, đẹp; phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Đổi mới nội dung, phương thức xúc tiến, quảng bá du lịch; chú trọng phát triển và khai thác phân khúc thị trường khách theo các sản phẩm chuyên đề mà Việt Nam có thế mạnh.

+ Hoàn thiện hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn.

+ Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay kết nối thị trường với các điểm du lịch truyền thống, trọng điểm của Việt Nam.

+ Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch.

+ Tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp du lịch để lắng nghe, đồng hành và tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp thường xuyên.

**2. Khẩn trương ban hành Quy hoạch hệ thống du lịch, Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030**

*a) Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:*

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì lập Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch; tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Quy hoạch. Ngày 13/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 509/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:*

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch; tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Quy hoạch. Đến nay, hồ sơ Quy hoạch đã đáp ứng đủ điều kiện và đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt (dự kiến trong Quý II năm 2024).

**3. Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách về phục hồi, phát triển du lịch theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15**

Thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành theo thẩm quyền/chỉ đạo các Bộ, ngành ban hành hơn 20 văn bản để cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chính sách phục hồi, phát triển du lịch.

*a) Các chính sách hỗ trợ chung:*

*- Nhóm chính sách miễn, giảm thuế:*

Chính phủ đã ban hành các Nghị định: số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế; số 41/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2023 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

*- Nhóm chính sách tín dụng:*

Chính phủ ban hành Nghị định: số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20 tháng 5 năm 2022 hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, trong đó hướng dẫn thực hiện chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

*b) Các chính sách hỗ trợ riêng cho ngành du lịch:*

*- Chính sách thị thực:*

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 127/NQ-CP và Nghị quyết số 128/NQ-CP CP ngày 14 tháng 8 năm 2023, trong đó hướng dẫn về chính sách thị thực mới như kéo dài thời hạn thị thực điện tử, nâng thời hạn tạm trú tại cửa khẩu cho người nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách quốc tế đến Việt Nam.

*- Các chính sách khác:*

+ Chính sách giảm phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, dịch vụ lữ hành nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch: Chỉ đạo Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, trong đó giảm 50% phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch.

+ Năm 2022-2023, ngành Du lịch tiếp tục được hưởng chính sách có hiệu lực từ năm 2021 về giảm 80% tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành (theo Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành).

Nhìn chung, các chính sách này đã trực tiếp hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, góp phần giúp doanh nghiệp duy trì, ổn định, mở rộng kinh doanh.

**4. Rà soát, đánh giá việc triển khai Luật Du lịch và pháp luật liên quan, chú trọng cụ thể hóa các quy định về tăng cường hợp tác công - tư, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch, bổ sung chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch**

Ngày 19/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Du lịch số 09/2017/QH14 (Luật Du lịch năm 2017), gồm 9 chương, 78 điều, giảm 2 chương, 10 điều so

với Luật Du lịch năm 2005; Các văn bản quy định chi tiết Luật Du lịch đã được ban hành: 06 Nghị định; 07 Thông tư; 01 Văn bản hợp nhất.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật về du lịch đã kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển du lịch, đảm bảo tính minh bạch và khả thi, đáp ứng yêu cầu, hiệu quả thi hành Hiến pháp năm 2013. So với trước đây, hệ thống pháp luật về du lịch hiện nay có nhiều quy định mới như bảo đảm hơn về chất lượng dịch vụ du lịch, chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh lữ hành, chú trọng quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch, đa dạng hóa các dịch vụ du lịch, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư xây dựng, hình thành cơ sở hạ tầng du lịch đẳng cấp, hiện đại, góp phần thay đổi diện mạo đô thị và điểm đến; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng tiếp cận điểm đến.

Đến nay, kết cấu hạ tầng đặc biệt là hạ tầng giao thông đường bộ được quan tâm đầu tư phát triển, hệ thống các tuyến đường cao tốc kết nối các khu, điểm du lịch đã góp phần làm tăng yếu tố hấp dẫn và khả năng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển du lịch. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch phát triển nhanh, có tầm cỡ và quy mô lớn, tiện nghi và đẳng cấp, có khả năng cạnh tranh cao và tạo ấn tượng thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Du lịch Việt Nam đã hình thành các khu du lịch với nhiều thương hiệu nổi bật, hệ thống sản phẩm du lịch Việt Nam liên tục được sáng tạo, làm mới phù hợp với nhu cầu luôn thay đổi của thị trường, hấp dẫn khách du lịch. Nguồn nhân lực du lịch từng bước được đào tạo bài bản, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, thể hiện sự thân thiện, mến khách - vốn là đặc điểm của du lịch Việt Nam mà du khách quốc tế ưa chuộng. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai chủ động, đồng bộ hơn, có sự chung tay của các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp.

Để khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19, nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù cho ngành du lịch đã góp phần quan trọng tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và lao động du lịch như giảm 80% tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành đến hết năm 2023, giảm thời gian hoàn trả ký quỹ cho doanh nghiệp lữ hành (từ 60 ngày xuống 30 ngày), giảm 50% phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh lữ hành, phí thẩm định cấp thẻ Hướng dẫn viên du lịch, hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các cơ sở lưu trú du lịch trực tiếp tham gia phòng chống dịch và bị ảnh hưởng bởi dịch. Hướng dẫn viên du lịch được hưởng mức hỗ trợ 3.710.000 đồng/người. Cùng với đó, nhiều địa phương cũng đã ban hành các chính sách miễn, giảm phí tham quan, giảm tiền thuê đất, lùi thời gian trả nợ vốn vay, cho vay trả lương người lao động hoặc hỗ trợ kích cầu du lịch nội địa… Những cơ chế, chính sách hỗ trợ này đã trở thành động lực để doanh nghiệp, cộng đồng, người dân kinh doanh du lịch duy trì hoạt động, vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch.

**5. Khẩn trương cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; quản lý chặt chẽ, phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Quỹ**

*a) Về việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch:*

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan hoàn thành việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch 300 tỷ đồng (năm 2022 cấp 150 tỷ đồng, năm 2023 cấp 150 tỷ đồng) từ nguồn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022 -2023 theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

*b) Về tình hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch:*

Thực hiện quy định của Luật Du lịch năm 2017 (Điều 70), Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch (Điều 30), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 49/2018/QĐ-TTg ngày 12/12/2018 về việc thành lập và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, theo đó:

- Điều 8 Khoản 1: Vốn điều lệ của Quỹ là 300.000.000.000 đồng (ba trăm tỷ), được ngân sách trung ương cấp trong 03 năm đầu sau khi thành lập. Việc cấp vốn thực hiện sau khi Quỹ có các văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền ban hành về tổ chức, bộ máy, chế độ kế toán.

- Điều 9. Quản lý và sử dụng vốn điều lệ và kinh phí hoạt động của Quỹ

+ Quỹ có trách nhiệm: Quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp chỉ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch. Các nguồn kinh phí khác (bao gồm cả thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng) được sử dụng để chi hoạt động bộ máy và được tính vào chênh lệch thu chi để trích lập các quỹ.

+ Vốn điều lệ và kinh phí nhàn rỗi của Quỹ được gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng thuộc danh sách các tổ chức tín dụng được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt trong từng thời kỳ theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế quản lý vốn điều lệ và kinh phí nhàn rỗi tại các ngân hàng thương mại để Quỹ thực hiện.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 49/2018/QĐ-TTg, vốn điều lệ sẽ được cấp trên cơ sở cân đối ngân sách từ nguồn ngân sách sự nghiệp và được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công.

Năm 2023, Quỹ nhận được kinh phí vào ngày 08/6/2023 cấp cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch là 51,289 tỷ đồng với 25 nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch được đề xuất. Trong năm 2024, Quỹ được cấp kinh phí khoảng 132,63 tỷ đồng cho hoạt động nghiệp vụ. Hiện nay, Quỹ đã xây dựng Kế hoạch xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch với 19 đầu nhiệm vụ, tổng kinh phí khoảng 95,13 tỷ đồng, đang trong quá trình triển khai, thực hiện.

*c) Các tồn tại hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch chưa đáp được sự kỳ vọng do hạn chế về nguồn nhân lực (số lượng, kinh nghiệm, chất lượng lao động…). Năng lực quản lý và chuyên môn của Lãnh đạo Quỹ còn hạn chế.

- Một số nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ không phù hợp các quy định hiện hành như: Số dư kinh phí năm trước của Quỹ được phép chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng; việc Quỹ hoạt động theo mô hình doanh nghiệp bộc lộ vướng mắc khi triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Việc xếp hạng, đánh giá hoạt động hàng năm để thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định hiện hành gặp khó khăn do chưa xác định được cụ thể mô hình quản lý của Quỹ. Các nội dung chi tiêu từ nguồn lãi tiền gửi vốn điều lệ tập trung vào trả lương và các kinh phí tối thiểu để vận hành bộ máy của Quỹ; không trái với các quy định hiện hành.

**6. Có chính sách ưu tiên phát triển du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thực hiện tốt chính sách, nhiệm vụ về phát triển sản phẩm du lịch mới, trong đó: có giải pháp phù hợp thúc đẩy phát triển sản phẩm, hoạt động du lịch ban đêm, hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong du lịch; liên kết, hợp tác trong và ngoài nước; bảo đảm môi trường kinh doanh du lịch lành mạnh; khai thác có hiệu quả các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa để phát triển du lịch theo hướng bền vững**

*a) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển du lịch*

Trong thời gian qua, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam (sửa đổi); ban hành Nghị định về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia, Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 14/8/2023 về việc áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ; các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 14/8/2023 về việc sửa đổi Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 15/3/2022 của Chính phủ về việc miễn thị thực cho công dân 13 nước.

*b) Phát triển sản phẩm du lịch hấp dẫn, độc đáo trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa:*

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa phương xây dựng, làm mới các loại hình, dịch vụ du lịch đa dạng, độc đáo trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, gắn với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc ở cả 04 dòng sản phẩm ưu tiên trong Chiến lược

phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 gồm: du lịch nghỉ dưỡng biển đảo; du lịch văn hóa, di sản; du lịch cộng đồng, nông nghiệp nông thôn; du lịch đô thị. Đồng thời, thúc đẩy các sản phẩm du lịch MICE, du lịch golf... Ban hành Đề án phát triển kinh tế đêm, trong đó Ngành du lịch đã xây dựng, ban hành và triển khai Đề án "Một số mô hình phát triển sản phẩm du lịch đêm".

Chỉ đạo việc chủ động điều phối, định hướng liên kết các địa phương, phát huy vai trò của cộng đồng doanh nghiệp trong việc xây dựng sản phẩm du lịch vùng; thúc đẩy liên kết giữa các trung tâm du lịch của cả nước là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với các địa phương; phát triển sản phẩm du lịch theo phương châm "mỗi địa phương, một sản phẩm du lịch đặc sắc". Năm 2023, Thành phố lần đầu tiên ra mắt sản phẩm du lịch "Lễ hội sông nước Thành phố Hồ Chí Minh" với chủ đề "Dòng sông kể chuyện" gồm chuỗi hoạt động văn hóa - giải trí - thể thao đặc sắc diễn ra bên dòng sông Sài Gòn; góp phần quảng bá vùng đất, con người và đặc trưng văn hóa của Thành phố.

*c) Đào tạo nguồn nhân lực du lịch:*

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các địa phương khảo sát, thống kê nguồn nhân lực du lịch, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo hoặc đào tạo lại (nếu cần thiết) đội ngũ, nâng cao chất lượng lực lượng lao động, đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh với thị trường lao động quốc tế. Hiệp hội du lịch Việt Nam và của các địa phương, doanh nghiệp tổ chức định kỳ các hội thi nghiệp vụ dành cho lực lượng lao động trực tiếp: hướng dẫn viên du lịch, hướng dẫn viên du lịch tại điểm, nhân viên pha chế, tiếp tân, buồng, bàn với quy mô cả nước hoặc các nước trong khu vực và nâng cao trình độ quản lý dành cho đội ngũ quản lý điều hành doanh nghiệp theo chuyên đề. Liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức.

*d) Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch:*

Chỉ đạo Ngành Du lịch đã ban hành Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021 - 2025; đẩy mạnh triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số nhằm hướng tới mục tiêu hình thành một hệ sinh thái du lịch thông minh, thống nhất và đồng bộ trên toàn quốc; hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, kinh doanh dịch vụ du lịch, nâng cao trải nghiệm du khách.

Đến nay, công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch đã đạt được những kết quả bước đầu như: **(1)** Hoàn thành việc số hóa toàn bộ các dữ liệu về hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành quốc tế, cơ sở lưu trú trong cả nước do cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương quản lý; **(2)** Hình thành hệ thống thông tin số về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch; **(3)** Phát triển một số ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ, phục

vụ tra cứu thông tin về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, thuyết minh du lịch dịch tự động ra các ngôn ngữ phổ biến; ra mắt ứng dụng số về du lịch để phục vụ khách du lịch, doanh nghiệp và cơ quan quản lý; Thẻ Việt - Thẻ du lịch thông minh phục vụ khách du lịch...; **(4)** Thúc đẩy quảng bá, xúc tiến du lịch ứng dụng công nghệ số, số hóa di sản, triển khai mô hình bảo tàng số; **(5)** Một số điểm du lịch đã triển khai số hóa (mã QR) với các tiện ích cung cấp thông tin, thuyết minh tự động bằng nhiều thứ tiếng, tăng trải nghiệm cho khách du lịch; **(6)** Một số địa phương xây dựng được bộ nhận diện thương hiệu du lịch, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch…

*đ) Về liên kết, hợp tác trong hoạt động du lịch:*

Các địa phương tăng cường liên kết, hợp tác, từng bước thực hiện hiệu quả cơ chế điều phối, kế hoạch hành động vùng, liên vùng trong phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu, đào tạo nguồn nhân lực[1]. Hợp tác công tư được tăng cường, huy động thêm nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ liên kết, phát triển du lịch.

**7. Tập trung triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030**

*a) Tình hình triển khai thực hiện*

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 với 5 quan điểm, 4 mục tiêu chung và 8 mục tiêu cụ thể, đề ra 11 nhóm nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho các mặt của lĩnh vực văn hóa.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 3177/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2022); chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tích cực phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở, xây dựng con người được chú trọng. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Hoạt động đối ngoại về văn hoá được đẩy mạnh, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, văn hoá, con người Việt Nam với đông đảo bạn bè quốc tế.

*b) Kết quả đạt được*

---

[1] Xây dựng thương hiệu vùng cho 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng; Liên kết giữa Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam xây dựng thương hiệu "3 địa phương - một điểm đến"; liên kết giữa Hải Phòng - Quảng Ninh; Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội ký kết liên kết với các địa phương, vùng trong cả nước…

Đến nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tập trung triển khai kịp thời, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tập trung vào một số nhiệm vụ chính sau:

**(1)** Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước.

**(2)** Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lý: Hệ thống pháp luật về văn hóa đã từng bước được rà soát, bổ sung, hoàn thiện, tạo khung khổ pháp lý cho sự phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa thực hiện chủ động, cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra. Thông qua quá trình rà soát, đánh giá định kỳ để phát hiện những chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hoá chưa được thể chế hóa, những vấn đề bất cập với thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp để hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng kiến tạo, khơi thông nguồn lực. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Chính phủ đã giao Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành: 03 Luật, 17 Nghị định, 01 Nghị quyết của Chính phủ, 10 Quyết định và 03 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

**(3)** Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

- Văn hóa là lĩnh vực rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp. Để phát huy sức mạnh tổng hợp của các hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Người cao tuổi Việt Nam rà soát, xây dựng mới và tổ chức ký kết Chương trình phối hợp công tác trong giai đoạn 2022 - 2026, theo đó lấy cơ sở là địa bàn trọng tâm để tác nghiệp, bảo tồn, phát huy và nhân lên các giá trị văn hóa.

+ Phối hợp với Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam triển khai Bộ tiêu chí Văn hoá kinh doanh Việt Nam với 5 nhóm tiêu chí, 40 chỉ số đánh giá đo lường, trong đó có các nhóm tiêu chí hết sức quan trọng như thượng tôn pháp luật và trách nhiệm đối với xã hội.

- Các sự kiện văn hóa, thể thao, nghệ thuật cấp quốc gia, cấp vùng tiếp tục được chỉ đạo tổ chức, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Các sự kiện: Ngày hội Văn hoá dân tộc Dao toàn quốc, Ngày hội VHTTDL vùng Tây Bắc, Ngày hội VHTTDL đồng bào Khmer Nam Bộ, Liên hoan Chèo toàn quốc, Liên

hoan Cải lương toàn quốc, Hội diễn Tiếng hát công nhân toàn quốc và các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị được phối hợp tổ chức thành công, góp phần xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

**(4)** Xây dựng và phát triển con người toàn diện. Thể lực, tầm vóc con người Việt Nam được cải thiện, đi cùng với các yêu cầu về tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức thành công Hội thảo khoa học "*Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*".

- Triển khai xây dựng các đề án, đề tài nghiên cứu những giá trị văn hóa tốt đẹp cần phát huy và những hủ tục cần được loại bỏ nhằm hướng tới xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam như: Đề tài nghiên cứu khoa học "Vai trò của hương ước, quy ước đối với xây dựng đạo đức lối sống hiện nay"; Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình… Triển khai thí điểm Bộ chỉ số gia đình hạnh phúc tại một số địa phương.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình sinh hoạt văn hóa cộng đồng gắn với giữ gìn, phát huy văn hóa truyền thống đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

*c) Tồn tại, hạn chế:*

Trước yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển, lĩnh vực văn hóa còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập: Đã xuất hiện các hiện tượng văn hóa tầm thường, dễ dãi, mang tính thị trường; trách nhiệm nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, văn minh công cộng chưa được xây dựng theo hướng văn hóa… Đời sống văn hóa, tinh thần ở một số nơi còn đơn điệu; thiếu tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao; việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa còn gặp khó khăn. Cơ chế chuyển hóa hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa vốn rất phong phú, giàu có của Việt Nam thành sự đa dạng, giàu bản sắc và có khả năng cạnh tranh quốc tế của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa còn thiếu đồng bộ. Một hệ sinh thái thực sự để các ngành công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, cũng như tạo ra sự cân bằng, đa dạng và bền vững hơn cho nền kinh tế chưa đủ điều kiện để hình thành. Thể chế về văn hóa đang trong quá trình từng bước hoàn thiện, công tác cán bộ của Ngành văn hóa nói chung, đội ngũ văn nghệ sĩ - những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa của Đảng nói riêng còn có sự bất cập.

*d) Giải pháp trong thời gian tới:*

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách:

+ Hoàn thiện khung khổ pháp lý về huy động hiệu quả nguồn lực, khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài Nhà nước trong phát triển văn hóa.

+ Lồng ghép các cơ chế chính sách về văn hóa trong các ngành, lĩnh vực có liên quan để đảm bảo cách tiếp cận toàn diện. Xây dựng cơ chế chính sách phân cấp, phân quyền, ủy quyền ở từng cấp, cần thực hiện, áp dụng cơ chế đặc thù tại một số địa phương.

+ Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách để các địa phương có tiềm năng, thế mạnh và những điều kiện thuận lợi riêng để tăng cường phát triển văn hóa một cách hiệu quả nhất.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ cương, phân cấp và xác định trách nhiệm cụ thể cho các địa phương, các ban, ngành trong quản lý văn hóa đi đôi với kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, hoạch định chính sách; cán bộ văn hóa cơ sở, cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

+ Phát triển nguồn nhân lực thực hành, sáng tạo, quản lý văn hóa, nghệ thuật có các kiến thức, kỹ năng phù hợp.

+ Xây dựng các chính sách đãi ngộ phù hợp cho nghệ nhân, chuyên gia, nhà sản xuất các sản phẩm và dịch vụ.

+ Tăng cường giáo dục thanh thiếu niên về văn hóa dân tộc; tăng cường tổ chức các khóa học, chương trình nghiên cứu, trao đổi về phương pháp tiếp cận, mô hình và các kinh nghiệm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa với các chuyên gia trong nước và nước ngoài.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ:

+ Phát triển khoa học công nghệ, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ số và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

+ Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển văn hóa.

+ Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu và công bố dữ liệu số về văn hóa giúp các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp, nhà đầu tư và công chúng dễ dàng tiếp cận tra cứu thông tin. Đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác xây dựng kho dữ liệu dùng chung của ngành văn hóa, chuẩn hóa, số hóa dữ liệu và Cổng dữ liệu mở để đảm bảo các dữ liệu lưu trữ sẽ được khai thác chung cho các hệ thống ứng dụng liên quan theo mô hình Chính phủ điện tử.

+ Tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Việt Nam ra nước ngoài.

+ Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên không gian số, thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và đổi mới kịp thời trong việc áp dụng nền tảng công nghệ 4.0 vào các hoạt động nhằm đưa các sản phẩm, văn hóa Việt Nam tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

- Phát triển thị trường các ngành công nghiệp văn hóa: Chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành các sản phẩm và dịch vụ văn hóa có khả năng cạnh tranh mạnh trên thị trường văn hóa.

- Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế: Chủ động mở rộng, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Nghiên cứu, xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài. Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài. Quảng bá văn hóa, các loại hình nghệ thuật đặc sắc của quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa của Việt Nam ra nước ngoài. Chủ động tham gia, thể hiện vai trò tích cực tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về văn hóa. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế.

**8. Tập trung triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, 02 Chương trình: Phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2025 và Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030**

*a) Kết quả đạt được:*

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021); chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Hội nghị công bố Chiến lược, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chiến lược và 02 Chương trình thuộc lĩnh vực Gia đình. Các địa phương trong cả nước cũng như nhiều bộ, ban, ngành đã chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược.

Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025 (Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022) và Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030 (Quyết định số 96/QĐ-TTg ngày 19/01/2022) và giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện 02 Chương trình trên.

Đã chỉ đạo đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng và mọi cá nhân trong xã hội, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức về vị trí, vai trò, giá trị của Gia đình trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển gia đình; tăng cường, đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống ngay từ trong gia đình; giáo dục, phòng ngừa tác động tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển của gia đình, đặc biệt là các gia đình trẻ.

Các kết quả cụ thể đạt được trong thực hiện triển khai Chiến lược và 02 Chương trình như sau:

- Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình tại Kỳ họp thứ 4; ban hành Nghị định số 76/2023/NĐ-CP quy định chi tiết

một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật về: giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình; thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và chăm sóc người cao tuổi...

- Chỉ đạo xây dựng và phát sóng các nội dung tuyên truyền về giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình (Chương trình Gia đình Việt trên kênh VOV2); xây dựng và phát sóng các nội dung tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc (trên Kênh VOVTV của Đài Tiếng nói Việt Nam); tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình trên truyền hình (trên Kênh VOV TV của Đài Tiếng nói Việt Nam, Kênh Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân VTC16); tuyên truyền Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên các nền tảng số.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam với chủ đề "Gia đình hạnh phúc - Quốc gia thịnh vượng"; hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 trên cả nước với chủ đề "Hạnh phúc cho mọi người"; Tổ chức Chương trình văn nghệ về gia đình, Cuộc thi làm phóng sự ngắn về xây dựng gia đình; Triển lãm sách về gia đình, hội thi Gia đình Thể thao, thi văn hóa ẩm thực…; gặp mặt tôn vinh Gia đình văn hóa tiêu biểu, tuyên dương những gia đình có hoàn cảnh khó khăn vươn lên nuôi con tốt, dạy con ngoan, gương người tốt, việc tốt; tổ chức các hoạt động chăm lo cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, người tàn tật, trẻ em bất hạnh; tổ chức Ngày hội văn hóa gia đình; tọa đàm trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng gia đình văn hóa, gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình hạnh phúc, không bạo lực...

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình đến năm 2025, các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng và thực hiện Kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí trên địa bàn, tập trung vào việc phổ biến, tuyên truyền Bộ tiêu chí này tới các cơ quan, đơn vị và người dân với nhiều hình thức phong phú như tuyên truyền trên báo đài, loa phát thanh, tổ chức lễ phát động đăng ký thực hiện Bộ tiêu chí với sự tham gia của đông đảo người dân trên địa bàn...

- Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, xây dựng thí điểm Bộ chỉ số Gia đình hạnh phúc làm cơ sở đánh giá, đề xuất, hoạch định chính sách; nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thử nghiệm dịch vụ công về giáo dục kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc trước khi kết hôn; xây dựng và hướng dẫn triển khai Quy trình tiếp nhận, xử lý vụ việc bạo lực gia đình; nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025.

*b) Hạn chế, bất cập và nguyên nhân*

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể còn chưa thực sự quan tâm đến công tác gia đình cũng như việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Chiến lược dẫn đến việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược còn lúng túng.

- Đội ngũ công chức thực hiện công tác gia đình tại cơ sở cơ bản theo chế độ kiêm nhiệm, trình độ chưa đồng đều; chưa có quy định cụ thể về chế độ bồi dưỡng cho lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên.

*c) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới:*

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với công tác gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, chương trình, đề án đã được quy định trong Chiến lược.

- Hoàn thiện, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, thí điểm thực hiện Bộ chỉ số gia đình hạnh phúc nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, góp phần phát triển bền vững đất nước.

- Các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương tiếp tục quan tâm, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, đề án, chương trình về công tác gia đình trong Chiến lược.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đưa các chỉ tiêu về Gia đình vào trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, gắn việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác gia đình với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện, các nội dung về công tác gia đình. Chú trọng tăng nguồn lực cho công tác gia đình tại địa phương.

- Thực hiện nghiêm công tác báo cáo, kịp thời điều tra, xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về gia đình.

- Khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong việc chỉ đạo, triển khai, thực hiện công tác gia đình.

**9. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa: sửa đổi Luật Di sản văn hóa**

Hiện nay, hệ thống pháp luật về di sản văn hóa gồm: 01 Luật, 01 Luật sửa đổi, bổ sung; 12 Nghị định của Chính phủ; 03 Quyết định và 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành 18 Thông tư, 04 Quyết định, 01 Chỉ thị theo thẩm quyền; phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ để ban hành 02 Thông tư liên tịch.

Trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa cũng dần bộc lộ một số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành là hết sức cần thiết để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, điều chỉnh, cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy

giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp của Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tập trung vào 03 nhóm chính sách:

- Đối với nhóm Chính sách 1: **(1)** Bổ sung, hoàn thiện một số thuật ngữ liên quan để tạo cách hiểu thống nhất trong thực thi và áp dụng pháp luật; **(2)** Quy định rõ quyền sở hữu, quyền khác đối với di sản văn hóa; Quy định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng được chuyển nhượng thông qua mua bán dân sự, trao đổi, tặng cho, thừa kế ở trong nước để gia tăng giá trị của di sản, chỉ cấm kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; cấm kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật nhằm tránh mất mát di sản văn hoá ra nước ngoài; đồng thời, quy định các biện pháp quản lý hiệu quả như: khuyến khích các tổ chức, cá nhân sưu tầm và trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; quy định hoạt động kinh doanh giám định di vật, cổ vật nhằm ngăn chặn kinh doanh, mua bán trái phép di vật, cổ vật và làm mất mát di sản văn hóa; **(3)** Bổ sung quy định xác lập cơ chế ghi danh, công nhận, thực thi các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa có phạm vi phân bố liên tỉnh, liên quốc gia; **(4)** Quy định cụ thể về biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa: nhận diện, kiểm kê, ghi danh, xếp hạng, công nhận; lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...

- Đối với nhóm Chính sách 2: **(1)** Quy định phân cấp, phân quyền đảm bảo các nguyên tắc về phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật. Trong đó, có quy định cụ thể về nội dung phân cấp, phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương, rõ trách nhiệm quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; **(2)** Quy định rõ cơ chế, nguyên tắc phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa; **(3)** Quy định rõ nội dung, nhiệm vụ, trách nhiệm để phân định rõ các nội dung hoạt động và trách nhiệm của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa; **(4)** Quy định về thanh tra, nội dung kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa...

- Đối với nhóm Chính sách 3: **(1)** Quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu, chủ thể di sản văn hóa trong việc đầu tư kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do cá nhân, cộng đồng sở hữu; đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư cho di sản văn hóa; cơ chế phù hợp để khuyến khích hợp tác trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; **(2)** Quy định về hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa; **(3)** Quy định về các nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; **(4)** Quy định nội dung cơ chế, khai thác, sử

dụng di sản trong hợp tác công tư trong bối cảnh phát triển công nghiệp văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội...

Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến về Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7 vào tháng 5 năm 2024 và dự kiến được thông qua tại Kỳ họp thứ 8.

**10. Nghiên cứu, xây dựng Luật về Nghệ thuật biểu diễn; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực văn học**

*a) Nhiệm vụ "Nghiên cứu, xây dựng Luật về Nghệ thuật biểu diễn":*

Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tổng kết thực tiễn để xây dựng dự án Luật điều chỉnh về nghệ thuật biểu diễn báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định vào thời điểm thích hợp.

*b) Nhiệm vụ "Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực văn học":*

Trên cơ sở tổng hợp kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới"; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021, thực trạng về hoạt động văn học của các tỉnh, thành phố, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định về hoạt động văn học với các mục tiêu cụ thể:

- Từng bước hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật trong lĩnh vực văn học trong thời kỳ mới, đảm bảo sự nghiệp "phát triển văn học, nghệ thuật đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân" theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Hiến pháp năm 2013.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý bảo đảm quyền sáng tạo của công dân trong lĩnh vực văn học. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia sáng tạo văn học phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa, đảm bảo môi trường lành mạnh cho phát triển hoạt động sáng tạo văn học.

- Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc chủ trì, phối hợp và giám sát triển khai các chương trình, đề án cấp quốc gia về hỗ trợ phát triển văn học, giao nhiệm vụ cho các tác giả để có tác phẩm văn học, lý luận, phê bình văn học chất lượng và giá trị tư tưởng cao.

- Nâng cao chất lượng việc quản lý tổ chức các trại sáng tác văn học, trại sáng tác lý luận, phê bình văn học sử dụng ngân sách nhà nước và khuyến khích tác tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức trại sáng tác.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý tổ chức các cuộc thi sáng tác văn học, lý luận, phê bình văn học cấp quốc gia, quốc tế và giải thưởng văn học.

- Xây dựng khung pháp lý về các chương trình quốc gia hỗ trợ giới thiệu, quảng bá văn học Việt Nam trong và ngoài nước; dịch văn học và phổ biến, đổi mới sáng tạo văn học trên không gian mạng.

- Thông qua Nghị định để góp phần thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 đó là: Hằng năm có từ 10 - 15 công trình nghiên cứu lý luận, phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố; có 02 tác giả đạt giải thưởng văn học ASEAN và khoảng 20 - 30 tác phẩm, công trình văn hóa, văn học nghệ thuật về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước. Xây dựng chương trình sáng tác, nghiên cứu văn hóa - nghệ thuật Việt Nam trong 100 năm (1930-2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**11. Khẩn trương xây dựng Chương trình hoặc Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2022 - 2030 trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định**

Thực hiện Kết luận số 42-KL/TW ngày 20/10/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2022-2023, Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Ngày 17/4/2024, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thay mặt Chính phủ đã ký Tờ trình số 165/TTr-CP về hồ sơ phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, báo cáo Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7. Ngày 19/5/2024, Tổng Thư ký Quốc hội đã có Thông báo số 3652/TB-TTKQH về kết luận của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình, theo đó khẳng định, hồ sơ cơ bản đủ điều kiện trình Quốc hội.

**12. Nghiên cứu, đề xuất các công trình, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật xứng tầm, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng vào năm 2030 và 100 năm thành lập nước vào năm 2045**

- Tổ chức Lễ phát động sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật "Sống mãi với thời gian" giai đoạn 2022 - 2025 nhằm hướng tới kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2030) và 85 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2030).

Lễ Phát động sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật "Sống mãi với thời gian" giai đoạn 2022 - 2025 dành cho những tác giả, tập thể tác giả công dân Việt Nam đang sinh sống, làm việc, học tập, lao động ở trong nước và ngoài

nước, người nước ngoài đang sinh sống, làm việc, học tập, lao động tại Việt Nam đều có thể tham gia. Các thể loại sáng tác tham gia dự thi phong phú đa dạng như: đối với văn học là tiểu thuyết và trường ca; sân khấu là kịch nói, Tuồng, Chèo, Cải lương, ca kịch; âm nhạc là giao hưởng, hợp xướng, nhạc kịch; múa là thơ múa, tổ khúc và kịch múa.

- Tổ chức Lễ Phát động bình chọn 50 tác phẩm văn học và nghệ thuật biểu diễn Việt Nam sau ngày Đất nước thống nhất (30/4/1975-30/4/2025) với chủ đề "Những bản hùng ca đất nước".

- Tổ chức Trại sáng tác cho tác giả nghiên cứu lý luận, phê bình văn học năm 2024.

**13. Nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho văn hóa, công nghiệp văn hóa**

*a) Tình hình triển khai thực hiện:*

- Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, góp phần cải thiện điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ, thúc đẩy phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa ở Việt Nam.

Trong giai đoạn 2018-2022, các bộ, ngành đã phối hợp triển khai xây dựng, đề xuất trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Một số văn bản được ban hành như: Luật Xuất bản (2012); Luật Báo chí (2016); Luật Du lịch (2017); Luật Kiến trúc (2019); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (2020); Luật Điện ảnh (2022); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (2022). Chính phủ đã ban hành các Nghị định: số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 quy định về hoạt động triển lãm; số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan…

- Xây dựng chương trình, đề án: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021); Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021); Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2022-2026.

Nhiều tỉnh, thành phố đã ban hành Chỉ thị, Nghị quyết, Đề án cụ thể để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn, như: Thành ủy Hà Nội ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 22/02/2022 về "Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 phê duyệt Đề án "Chiến lược phát triển ngành văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2035"; Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 phê duyệt Đề án định hướng phát triển du lịch Thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*b) Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới:*

- Trình Quốc hội xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, trong đó có nội dung huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, công nghiệp văn hóa.

- Nghiên cứu, đề xuất Quốc hội xem xét:

+ Bổ sung lĩnh vực văn hoá vào nhóm ngành nghề ưu đãi đầu tư, vào nhóm lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức PPP khi sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, Luật PPP.

+ Bổ sung các khoản chi tài trợ cho văn hóa, thể thao được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế khi sửa đổi, bổ sung Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

+ Bổ sung chính sách, quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm phát huy, sử dụng có hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, tài sản đặc thù của văn hóa.

- Chỉ đạo các bộ, ngành tiếp tục quan tâm tới lĩnh vực văn hoá trong quá trình rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách về thuế, tín dụng, đất đai, cơ chế tài chính, cơ chế khuyến khích sáng tạo trong các luật chuyên ngành để tạo điều kiện huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển văn hóa.

**14. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa**

*a) Kết quả đạt được:*

Nhằm phục vụ phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình Chuyển đổi số của Bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Bộ và hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đổi mới hoạt động, sản xuất, dịch vụ của các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trong lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch và gia đình; xây dựng phát triển văn hóa số, góp phần hình thành thế hệ công dân số cho tương lai hướng tới kinh tế số và xã hội số.

Các "Dự án nền tảng tích hợp, xử lý dữ liệu trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch"; Dự án "Xây dựng nền tảng, cơ sở dữ liệu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá" đang triển khai theo đúng lộ trình đã đặt ra. Hội thảo toàn ngành văn hóa về chủ đề "Định hướng phát triển cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình" sẽ được tổ chức trong Quý III/2024.

Hoàn thành nhiệm vụ "Xây dựng kiến trúc nền tảng dữ liệu số Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch" trong Quý IV/2024.

*b) Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:*

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành văn hóa chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Thiếu chuyên gia có kỹ năng về công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu chuyên ngành.

- Việc thu thập và quản lý dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch gặp nhiều khó khăn. Dữ liệu còn phân tán làm giảm khả năng phân tích và sử dụng dữ liệu.

- Vấn đề liên quan đến an ninh mạng và quyền riêng tư cũng là một thách thức lớn. Việc bảo vệ dữ liệu về văn hóa, di sản được ràng buộc tại các văn bản pháp lý và luật là điều quan trọng nhưng cũng phải đi đôi với việc mở cửa dữ liệu để phát triển các ứng dụng và dịch vụ mới.

- Việc hợp tác và cộng tác giữa các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong việc phát triển nền tảng và dữ liệu số còn hạn chế. Sự phân tán và không đồng nhất trong việc tiếp cận và sử dụng dữ liệu có thể làm giảm hiệu quả, tính khả thi của các dự án.

*c) Phương hướng trong thời gian tới:*

- Tổ chức các chương trình đào tạo và tăng cường nhận thức để nâng cao ý thức về giá trị của nền tảng và dữ liệu số. Bao gồm việc tổ chức các hội thảo, khoa học và chia sẻ thông tin về các ứng dụng và lợi ích của dữ liệu số trong lĩnh vực văn hóa, di sản, thể thao, du lịch và gia đình.

- Thúc đẩy đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dữ liệu cần thiết để thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, di sản, thể thao, du lịch và gia đình nhằm phát triển các hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu tập trung và các công cụ phân tích dữ liệu.

- Khuyến khích hợp tác công và tư: Tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức tư nhân và doanh nghiệp trong việc phát triển nền tảng và dữ liệu số nhằm tạo ra các chương trình hỗ trợ tài chính, khuyến khích đầu tư từ phía tư nhân và xây dựng các đối tác công nghiệp.

- Đảm bảo các biện pháp an ninh, quyền riêng tư cũng như tính mở được tính đến trong quá trình phát triển nền tảng và dữ liệu số… Bằng cách xây dựng hành lang pháp lý, cập nhật, sửa đổi luật, áp dụng các tiêu chuẩn bảo mật thông tin, tuân thủ các quy định về quyền riêng tư, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu và sự hài hòa trong tính chất mở để phát triển dữ liệu.

- Thường xuyên đánh giá và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch hành động để đảm bảo các mục tiêu được đạt được và các biện pháp được triển khai một cách hiệu quả.

**15. Tăng cường hợp tác, giao lưu về văn hóa; quảng bá văn hóa, văn học nghệ thuật tiêu biểu của Việt Nam ra nước ngoài**

*a) Kết quả đạt được:*

- Tăng cường hợp tác, giao lưu, quảng bá hình đất đất nước, văn hóa, con người Việt Nam ra nước ngoài:

+ Công tác ngoại giao văn hóa gắn với quảng bá du lịch được triển khai tích cực. 11 chương trình chính trị nghệ thuật trong khuôn khổ 5 chuyến thăm cấp cao của Lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước cùng với 13 chương trình Tuần Văn hóa, Lễ hội du lịch và văn hóa Việt Nam tại nước ngoài trong năm 2022, 2023 đã góp phần quảng bá đất nước Việt Nam tươi đẹp, an toàn với nền văn hóa đặc sắc tới đông đảo bạn bè quốc tế.

+ Thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quan hệ, lòng tin giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế: Trong 2 năm 2022-2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đàm phán, ký kết hơn 20 điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, xây dựng lòng tin với các quốc gia, tổ chức khu vực và quốc tế. Nhiều văn kiện được ký kết trước sự chứng kiến của lãnh đạo Đảng, Nhà nước thể hiện cam kết và sự tin cậy cao như Kế hoạch hợp tác văn hóa và du lịch giữa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2023-2027 được ký kết nhân chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới Trung Quốc (tháng 10/2022); Chương trình hợp tác văn hóa giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Italia giai đoạn 2023-2026 ký trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước Cộng hòa Italia của Chủ tịch nước (tháng 7/2023); Chương trình hành động trong lĩnh vực du lịch giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và Bộ Du lịch Ả-rập Xê-út nhân chuyến công tác của Thủ tướng Chính phủ dự GCC- ASEAN (tháng 10/2023); Bản ghi nhớ trong lĩnh vực du lịch giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và Bộ Kinh tế U.A.E nhân dịp Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị COP 28 và một số hoạt động song phương tại Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất (tháng 12/2023)...

- Chủ động hội nhập sâu rộng trong các lĩnh vực về văn hóa tại các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tích cực phát huy vai trò của Việt Nam trong việc định hình và phát huy bản sắc của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, chủ trì tổ chức thành công Hội nghị lần thứ 57 Ủy ban Văn hóa-Thông tin ASEAN với chủ đề "Chuyển đổi số: Cơ hội tiếp cận cho mọi người", tiếp tục đưa những đóng góp của hợp tác văn hóa, thông tin ASEAN vào quá trình triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Bên cạnh việc tham gia đầy đủ các cơ chế hợp tác của ASEAN trên cả ba lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã làm tốt vai trò điều phối hợp tác văn hóa ASEAN-Hàn

Quốc giai đoạn 2021-2024, tổ chức nhiều hoạt động triển lãm, liên hoan âm nhạc, tuần phim ASEAN nhân kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (năm 2022).

Đặc biệt, trong khuôn khổ UNESCO, lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam cùng lúc đảm nhiệm 6 vị trí then chốt tại các cơ chế của tổ chức quốc tế uy tín, trong đó có thành viên Uỷ ban Di sản thế giới, thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO, Phó Chủ tịch Đại hội đồng UNESCO, Phó Chủ tịch Uỷ ban liên Chính phủ Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hoá, Phó Chủ tịch Uỷ ban liên Chính phủ và Phó Chủ tịch Đại hội đồng Công ước 2003… Điều này thể hiện uy tín và vị thế lớn mạnh của Việt Nam tại diễn đàn đa phương.

Cùng với các hoạt động văn hóa, các chương trình, giải đấu thể thao khu vực và quốc tế cũng góp phần khẳng định và lan tỏa giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam, điển hình như việc Việt Nam tổ chức thành công và đứng thứ nhất toàn đoàn tại SEA Games 31, đứng thứ nhất toàn đoàn tại kỳ SEA Games 32 tổ chức tại Campuchia năm 2023. Sự kiện đội tuyển bóng đá nữ Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử giành tấm vé chính thức tham dự chung kết World Cup 2023 tổ chức tại Australia và New Zealand truyền cảm hứng đến hàng triệu phụ nữ và trẻ em, gửi đến thế giới hình ảnh về một Việt Nam quan tâm đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

*b) Tồn tại, hạn chế:*

Mặc dù hoạt động văn hóa đối ngoại đã nhiều và đa dạng hơn nhưng thường chỉ tập trung ở một số địa bàn, vào một số thời điểm thuận lợi. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào quảng bá, xúc tiến hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam còn hạn chế; chưa có nhiều sản phẩm, ấn phẩm được số hóa để phục vụ nhu cầu tìm hiểu của người dân thế giới, chưa theo kịp cuộc cách mạng 4.0.

*c) Nhiệm vụ và giải pháp:*

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, chính sách, đẩy mạnh đàm phán, ký kết, thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế phục vụ công tác văn hóa đối ngoại trong thời kỳ mới, trong đó có chủ trương, chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, tạo động lực mới cho sự phát triển bền vững về văn hóa.

- Tăng cường triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Thúc đẩy phát triển văn hóa số, chú trọng ứng dụng khoa học, công nghệ, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đẩy mạnh triển khai hoạt động văn hóa đối ngoại sau đại dịch Covid-19.

- Trong giai đoạn 2024-2025, tổ chức các hoạt động Tuần/Ngày Văn hóa Việt Nam tại các nước đối tác chiến lược toàn diện, kết hợp quảng bá văn hóa,

xúc tiến du lịch, gắn với kỷ niệm năm chẵn, năm tròn thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước.

- Tăng cường công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa, con người, quảng bá hình ảnh quốc gia ra nước ngoài dưới nhiều hình thức, phương thức thể hiện đa dạng, phong phú như Ngày/Tuần Văn hóa, Lễ hội Văn hóa - Du lịch Việt Nam, các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, di sản văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, các môn thể thao dân tộc, kết hợp chặt chẽ với xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, các hoạt động đối ngoại nhân dân như liên hoan, gặp gỡ hữu nghị nhân dân, phát huy các danh hiệu thế giới, giải thưởng khu vực và quốc tế, tôn vinh danh nhân, anh hùng dân tộc Việt Nam... Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện khu vực và quốc tế quy mô, uy tín như Triển lãm thế giới EXPO, Thế vận hội Olympic, liên hoan phim quốc tế, hội chợ du lịch quốc tế, các sự kiện thể thao quốc tế lớn, hội chợ sách quốc tế...

- Nghiên cứu triển khai việc xây dựng các Trung tâm văn hóa Việt Nam và Trung tâm dạy tiếng nước ngoài trên cơ sở nhu cầu, quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam với nước sở tại và phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước. Nâng cao chất lượng cán bộ và hiệu quả hoạt động của các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở Pháp và Lào.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác văn hóa đối ngoại gắn kết chặt chẽ với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần gìn giữ, phát huy tiếng Việt, bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc, thu hút nguồn lực chất lượng cao ở nước ngoài đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước.

- Chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng hiệu quả hợp tác đa phương, phát huy hơn nữa vai trò của công tác văn hóa đối ngoại tại các cơ chế, diễn đàn đa phương quan trọng như UNESCO, ASEAN, ASEM, IFACCA, WIPO...

- Chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại; đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế có quy mô, uy tín; phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, sự kiện văn hóa - nghệ thuật chất lượng tại Việt Nam.

**16. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác kiểm kê, xếp hạng, ghi danh, quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, di tích. Triển khai các biện pháp bảo tồn, phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, phối hợp với các địa phương trong công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa**

*a) Kết quả đạt được:*

** Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích:*

- Xếp hạng di tích:

Trên cả nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xếp hạng 3.621 di tích quốc gia và Thủ tướng Chính phủ đã xếp hạng 130 di tích quốc gia đặc biệt; đồng thời, có trên 40.000 di tích đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

Trong số đó, Việt Nam đã lựa chọn các di tích tiêu biểu để lập hồ sơ khoa học, trình và đã được UNESCO ghi danh 09 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các địa phương tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản thế giới Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương), Khu di sản thiên nhiên Ba Bể - Na Hang (Bắc Kạn, Tuyên Quang), di tích văn hóa Óc Eo (An Giang).

- Về lập Quy hoạch di tích: Hiện nay, một số di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới đã được các địa phương triển khai lập Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó một số Quy hoạch di tích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[2] làm căn cứ để triển khai các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

- Phát huy giá trị di tích: Các di tích, danh lam thắng cảnh sau khi được xếp hạng, ghi danh và được tu bổ, tôn tạo đã trở thành địa chỉ đỏ trong việc thu hút ngày càng đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế tới tham quan, nghiên cứu.

Quần thể di tích Cố đô Huế (năm 1993) và Vịnh Hạ Long (năm 1994) từ khi mới được ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới chỉ có vài chục nghìn khách du lịch, đến nay đã thu hút tới hàng triệu khách tới tham quan, nghiên cứu. Đặc biệt Quần thể danh thắng Tràng An, thời điểm lập hồ sơ đề cử năm 2012 chỉ có trên 01 triệu lượt khách, đến năm 2019 (sau 05 năm được UNESCO ghi danh) đã thu hút hơn 6,3 triệu lượt khách. Năm 2019, riêng 08 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới ở Việt Nam đã đón khoảng 21.336.148 khách du lịch (trong đó có 10.656.114 khách quốc tế), với doanh thu từ vé tham quan và phí dịch vụ trực tiếp khoảng 3.123 tỷ đồng.

Số liệu thống kê đã cho thấy sự đóng góp to lớn của di sản thế giới trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương kể từ khi được UNESCO ghi danh. Nguồn thu từ ngành du lịch và dịch vụ thương mại nói

[2] Quần thể Di tích Cố đô Huế, Khu Di tích Mỹ Sơn, Khu Phố cổ Hội An, Thành Nhà Hồ, Vịnh Hạ Long, Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang, Khu di tích thành Cổ Loa, Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, Khu di tích Phố Hiến, Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội, Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, Di tích lịch sử Tân Trào, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều, Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng, Óc Eo - Ba Thê (An Giang); Chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang); chùa Bổ Đà (Bắc Giang); An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên (Thái Nguyên)...

chung, từ các Di sản thế giới nói riêng đã đóng góp đáng kể vào tổng GDP của các địa phương có Di sản thế giới[3].

Bên cạnh đó, tại các khu Di sản thế giới ở Việt Nam hình thành các tuyến, điểm du lịch (cả vùng đệm và xung quanh khu vực Di sản thế giới) với các hình thức du lịch có trách nhiệm, bền vững như du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch làng vườn, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch biển... vừa tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa mới, vừa góp phần giảm tải cho các khu vực vùng lõi của di sản, góp phần giải quyết việc làm và cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra, các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tại khu Di sản thế giới, nhất là làng nghề truyền thống, nghệ thuật biểu diễn truyền thống được khôi phục, phát huy, ngày càng thu hút lượng lớn khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế.

** Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:*

Đến nay, có khoảng 7 vạn di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, 570 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia phân bố rộng khắp trên cả nước. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi danh 14 di sản vào các Danh sách (bao gồm 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp). Hát Xoan Phú Thọ trở thành di sản đầu tiên được UNESCO đưa ra khỏi Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và sau đó ghi danh vào Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Với kết quả nêu trên, Việt Nam đã đóng góp kinh nghiệm cũng như thể hiện nỗ lực cho việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Các di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục quốc gia, quốc tế; các nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đã khơi dậy niềm tự hào và khuyến khích mạnh mẽ các cộng đồng có di sản, các cấp chính quyền địa phương, toàn xã hội quan tâm, tự nguyện và chủ động tham gia bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, đẩy mạnh giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của địa phương mình, tạo thêm động lực trong quá trình xã hội hoá các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.

Tất cả di sản văn hóa phi vật thể thuộc các danh sách của UNESCO đều đã có hoặc đang xây dựng đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị. Bên cạnh đó, nhiều tỉnh/thành phố cũng đã xây dựng đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị

---

[3] Có thể minh chứng điều này qua trường hợp Khu phố cổ Hội An, với việc chính quyền và nhân dân thành phố Hội An đã đẩy mạnh hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới và đã đạt được những kết quả nổi bật, đặc biệt là việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển du lịch - dịch vụ và thương mại trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Với số lượng khách tham quan Khu phố cổ Hội An ngày càng tăng, từ gần 879 nghìn khách năm 2006 đến năm 2019 đã tăng lên gần 2,5 triệu lượt. 20 năm qua (từ khi trở thành Di sản thế giới) ngành kinh tế này đã tăng vượt bậc và hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% so với GDP toàn thành phố. Các nguồn thu này đã giúp bổ sung phần đáng kể vào nguồn tài chính dành cho các chi phí địa phương trong việc cải thiện cơ cở hạ tầng, giáo dục, y tế, an ninh và bảo tồn Di sản thế giới Khu phố cổ Hội An.

di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tại một số địa phương, nhiều di sản văn hóa phi vật thể đã trở thành những điểm đến thu hút khách trong và ngoài nước, tạo nên thương hiệu/dấu ấn riêng của địa phương có di sản[4].

*b) Tồn tại, hạn chế:*

** Trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể:*

- Việc đầu tư kinh phí bảo vệ, tu bổ di tích đặt ra một số vấn đề sau:

+ Di tích ở nước ta đa dạng về loại hình, như: đình, đền, chùa, miếu mạo, thành quách, lăng mộ, đền tháp, cung điện, nhà cổ; di tích cách mạng kháng chiến... do điều kiện thời tiết, khí hậu nóng ẩm nên các di tích thường xuống cấp nhanh chóng. Hơn nữa, một đặc điểm cơ bản của di tích ở nước ta là hầu hết được làm từ chất liệu gỗ, theo quy trình thông thường 10 năm phải tu bổ nhỏ ít nhất 1 lần, 20 năm tu bổ vừa và 40 năm tu bổ tổng thể. Nguồn vốn đầu tư hàng năm cho tu bổ di tích còn hạn chế, nên nhìn chung còn nhiều di tích đang xuống cấp (đặc biệt là những di tích không có nguồn thu từ bán vé tham quan và nguồn công đức) nhưng chưa được cấp kinh phí tu bổ.

+ Nguồn kinh phí đầu tư đối ứng của địa phương thấp do còn tâm lý trông chờ, ỷ lại nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương và thiếu sự lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình khác trên địa bàn.

+ Nguồn kinh phí thu được qua bán vé tham quan di tích, tiền công đức, tiền thu các hoạt động dịch vụ văn hoá khác tại một số di tích chưa được đầu tư trở lại cho tu bổ, tôn tạo di tích và các hoạt động văn hóa ở cơ sở một cách thống nhất trong phạm vi toàn quốc, thậm chí có nơi đưa vào ngân sách xã và huyện để phục vụ nhiệm vụ khác.

- Hiện tượng mất cắp cổ vật, cháy nổ tại di tích vẫn đôi khi còn xảy ra; vi phạm trong hoạt động tu bổ di tích, đặc biệt ở một số di tích được đầu tư bằng các nguồn vốn của địa phương, nguồn vốn công đức, xã hội hóa được thực hiện theo quy trình, thủ tục triển khai còn chưa đảm bảo.

- Ngoài một số di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu đã được Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố phê duyệt quy hoạch, triển khai hiệu quả các dự án tu bổ, tôn tạo đã phát huy tốt giá trị di tích, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, phần lớn, di tích chưa được quan tâm lập Quy hoạch để có cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị.

- Ở lĩnh vực chuyên môn tu bổ, tôn tạo di tích, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới, lực lượng cán bộ có chuyên môn là kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng…

---

[4] (Lễ hội Đền Sóc, Chùa Hương ở Hà Nội, Lễ hội Đền Hùng Phú Thọ, Lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc ở Hải Dương, Lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, Ca Huế, Đua Ghe ngo Sóc Trăng, Lễ hội Bà Chúa Xứ An Giang, Lễ hội Ook om bok Trà Vinh, Lễ hội Kate hay Gốm Chăm ở Bàu Trúc Ninh Thuận...).

còn tương đối mỏng, nên khó có khả năng tham gia góp ý, thẩm định hồ sơ dự án tu bổ di tích.

** Trong hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể:*

- Nhận thức của chính quyền về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp còn chưa đồng đều.

- Nhiều địa phương chưa quan tâm tới những di sản phi vật thể chưa được ghi danh, tuy có danh sách nghệ nhân dân gian, nhưng không nắm bắt được các cá nhân/tập thể (câu lạc bộ) thực hành những di sản phi vật thể chưa trong diện đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia hoặc quốc tế.

- Một số địa phương chỉ quan tâm tới việc xây dựng Hồ sơ để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia hoặc quốc tế; thiếu và yếu trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị gắn với phát triển bền vững và hội nhập, thiếu kinh phí thực hiện tu bổ, tôn tạo, trong xây dựng, tổng hợp, xử lý thông tin các Báo cáo định kỳ về tình trạng, tình hình bảo vệ và phát huy giá trị di sản sau khi được ghi danh. Hiện trạng bảo vệ và phát huy giá trị di sản không được nắm bắt rõ, kịp thời dẫn tới việc ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị thiếu hiệu quả, thực tế và chưa phù hợp.

- Kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể còn hạn chế, chưa được đầu tư đúng mức, thiếu tập trung.

- Xã hội hóa, huy động các nguồn lực tham gia đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể chưa thực sự được quan tâm, chưa có cơ chế thu hút sự hỗ trợ, hợp tác, tài trợ của các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

** Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:*

- Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển chưa được xử lý hài hòa. Việc bảo tồn chưa được ưu tiên và coi trọng, tại các khu di sản, việc phát triển du lịch một cách mạnh mẽ trong khi cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được, chưa có những công cụ pháp lý hữu hiệu để điều chỉnh các hành vi liên quan đã làm cho di sản có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải, nhất là trong mùa lễ hội.

- Việc tuyên truyền, quảng bá và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn trực tiếp với từng khu di sản, thể hiện và phát huy được nét đặc thù của địa phương ở một số khu di sản hiệu quả chưa cao. Công tác truyền thông, xúc tiến du lịch và tổ chức các hoạt động dịch vụ tại một số khu di sản còn hạn chế. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia chưa bắt kịp được yêu cầu.

- Quan niệm của một số cư dân làng xã, các di tích gắn với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (thờ Thần, Phật, Thánh và Mẫu) cũng như các lễ hội văn hóa truyền thống cần được làm mới, thật khang trang và sang trọng. Do đó, có xu hướng muốn thay thế các cấu kiện kiến trúc, thậm chí cả đồ thờ tự trong di tích hoặc hiện tượng sân khấu hóa và thương mại hóa hoạt động lễ hội…

- Chưa có các quy định về Báo cáo định kỳ tình trạng di sản và tình hình bảo vệ, phát huy giá trị di sản sau khi được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các Danh sách của UNESCO; chưa có nội dung, cơ chế thực hiện, triển khai, tổng hợp, xử lý thông tin các Báo cáo bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể theo cam kết với UNESCO,…

- Chưa có các quy định cụ thể về phân cấp liên quan tới xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, các báo cáo, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Chưa có các quy định cụ thể về vai trò, sự tham gia của cộng đồng chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Chưa có các quy định cụ thể nhằm định hướng, điều chỉnh hoạt động quản lý, thực hành và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng, xã hội trong bối cảnh bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển bền vững và hội nhập.

- Định nghĩa về di sản (bổ sung trong Luật di sản mới) chưa được phổ cập đến các địa phương thông qua các buổi tập huấn nên nhận thức về di sản địa phương còn hạn chế.

Hiện tại, Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) do Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ hợp thứ 7 đã hướng tới điều chỉnh, xử lý các hạn chế, bất cập nêu trên.

**17. Nghiên cứu đề xuất, thu hút nguồn lực xã hội hóa, đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản; trong đó, phân khai đủ kinh phí thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cấp**

Ngày 24/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 888/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, trong đó giao bổ sung 17 dự án, với số kinh phí là 1.428 tỷ đồng thuộc Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030.

Triển khai nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, ngày 06/9/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Công văn số 3722/BVHTTDL-DSVH đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được bổ sung, chỉ đạo cơ quan chuyên môn khẩn trương thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đầu tư dự án tu bổ, tôn tạo di sản, di tích theo quy định của pháp luật về đầu tư công, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; đồng thời, theo dõi và chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, nội dung; báo cáo định kỳ, đột xuất về việc thực hiện Chương trình tại địa phương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp,

báo cáo Thủ tướng Chính phủ; Các địa phương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về việc thực hiện giải ngân, triển khai dự án theo đúng mục tiêu, nội dung của Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030, theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công trung hạn và pháp luật liên quan.

**18. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn hóa, giáo dục đạo đức, lối sống, gắn với bài trừ mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu, nhất là cho thế hệ trẻ; ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức xã hội và văn hóa ứng xử**

*a) Kết quả đạt được:*

** Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:*

Văn hóa là lĩnh vực rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Ý thức sâu sắc vấn đề này, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương chú trọng triển khai có hiệu quả các chương trình phối hợp, cụ thể: Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tổ chức các đợt phát động sáng tác tranh cổ động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao; tổ chức thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; phối hợp với Ủy ban An toàn giao thông quốc gia ban hành Tiêu chí văn hóa giao thông đường bộ; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025"; phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng Chương trình phối hợp về xây dựng đời sống văn hóa trong công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2021-2026; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chương trình phối hợp đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho nam, nữ thanh niên về trách nhiệm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; phối hợp với các địa phương trong công tác xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo hướng thực chất; thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các sai phạm đạo đức trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn, bản quyền tác giả, mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, tổ chức lễ hội, du lịch, thể dục, thể thao, nhất là những hành vi bạo lực, phản cảm, ứng xử thiếu văn hóa; siết chặt quản lý các sản phẩm, dịch vụ văn hóa độc hại.

** Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:*

Trong những năm qua, nhiều kế hoạch, hoạt động về công tác xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn hóa, giáo dục đạo đức, lối sống đã được Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo thực hiện:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" (thay thế Nghị định số 122/2018/NĐ-CP).

- Chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành: (i) Quyết định về việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án "Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch" (năm 2022 và 2023); (ii) Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án truyền thông về phát triển Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" (năm 2022 và 2023); (iii) Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống; (iv) Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng môi trường văn hóa cơ sở giai đoạn 2023-2025.

** Kết quả đạt được:*

- Toàn Ngành văn hóa từ Trung ương đến địa phương đã tập trung tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch, chương trình hành động có mục tiêu, giải pháp cụ thể; các chỉ thị về tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa nghệ thuật, lễ hội, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Đặc biệt, công tác văn hóa ở Trung ương và địa phương đã có những nỗ lực, đi đúng hướng; từng bước có những kết quả khích lệ, làm cho văn hóa trở thành nhân tố bồi đắp giá trị chân - thiện - mỹ, bảo đảm mọi thành viên của cộng đồng được phát triển các năng lực sáng tạo thông qua việc phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa như bình xét các danh hiệu văn hóa; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.- Đời sống văn hóa tinh thần, thể chất của Nhân dân được nâng cao, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, thông qua việc đổi mới tổ chức các hoạt động văn hóa cơ sở, cải thiện chất lượng hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao tăng cường, bảo vệ sức khỏe thu hút các tầng lớp nhân dân, tạo nên sự gắn kết cộng đồng, hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục khẳng định là phong trào nòng cốt, bao trùm lên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, làm thay đổi nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đưa các nội dung của phong trào đi vào thực chất, tránh bệnh hình thức, chạy theo thành tích.

- Công tác quản lý và tổ chức lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực. Những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc được phát huy. Những hủ tục lạc hậu dần được loại bỏ, các hành vi phản cảm trước đây dư luận phản ánh đã được chấn chỉnh kịp thời, qua đó nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân về mục đích, ý nghĩa khi tổ chức và tham gia các hoạt động lễ hội.

- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đạt được nhiều thành tựu tích cực. Nhiều di tích tiếp tục được quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo gắn với khai thác, phát triển du lịch, đã trở thành những điểm đến hấp dẫn góp phần phát triển kinh tế của địa phương nơi có di sản, đồng thời tạo việc làm cho người lao động. Việc đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích, nhất là các di tích lịch sử gắn với cách mạng kháng chiến đã góp phần không nhỏ trong việc giáo dục cho thế hệ trẻ về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, tinh thần yêu nước của dân tộc, về bản sắc văn hóa dân tộc, về tính cố kết cộng đồng...

- Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có sự đổi mới trong phương thức tổ chức, triển khai thực hiện. Nhiều tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn có giá trị cao, phản ánh mọi mặt đời sống xã hội. Các cuộc thi liên hoan, hội thi, hội diễn được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng, qua đó tạo bầu không khí vui tươi, phấn khởi đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân. Các chương trình, liên hoan tuyên truyền giới thiệu sách của hệ thống thư viện đã có nhiều đổi mới, kết hợp phương thức trực tiếp và trực tuyến tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, mang những tác phẩm có giá trị đến với người dân khắp vùng miền.

- Công tác xây dựng, bảo tồn và phát huy văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục thu hẹp khoảng cách về văn hóa, kinh tế, xã hội giữa miền núi và đồng bằng, tạo điều kiện hội nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần, lao động sản xuất của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*b) Những vấn đề tồn tại, hạn chế so với các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết:*

- Ngoài những kết quả nêu trên, trong bối cảnh tác động của cơ chế thị trường các giá trị xã hội, định hướng chuẩn mực đạo đức trong mỗi con người đã dần thay đổi; giá trị đạo đức nghề nghiệp, lối sống bị biến đổi, mai một, thậm chí bị lấn át bởi quan hệ hàng hóa, lợi nhuận. Hệ giá trị với các chuẩn mực cụ thể về đạo đức, lối sống chưa được tập trung xây dựng; những giá trị mới hình thành chưa bền vững nên chưa có tác động tích cực đối với định hướng giá trị nhân cách con người.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống chưa đồng bộ; chưa kết hợp tốt giữa giáo dục đạo đức và pháp luật; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tham gia xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam. Tình trạng lai căng sùng ngoại, coi thường giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, các tệ nạn xã hội và sự xâm nhập các sản phẩm, dịch vụ độc hại đang làm ảnh hưởng không tốt đến đạo đức, lối sống, nhất là giới trẻ hiện nay.

*c) Giải pháp trong thời gian tới:*

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; những nhiệm vụ của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc 2021.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống các văn bản pháp luật về xây dựng hành vi ứng xử văn hóa.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hình thành khung khổ pháp lý nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho văn hóa phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, nhân cách con người; biểu dương cái tốt, bài trừ cái xấu, lên án cái ác, ca ngợi cái đẹp, lấy gương người tốt, việc tốt để giáo dục, cổ vũ, khuyến khích tính hướng thiện trong mỗi người.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh/thành phố tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa của người dân; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phù hợp với đặc điểm văn hóa của các dân tộc, vùng, miền, góp phần giáo dục đạo đức, tạo dựng lối sống lành mạnh.

**19. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các bộ quy tắc ứng xử trong cơ quan, tổ chức, cộng đồng, địa bàn dân cư. Đề xuất cấp có thẩm quyền bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, đặc biệt là trên không gian mạng**

*a) Kết quả đạt được:*

** Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:*

Việc triển khai thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã được Ban Chỉ đạo Phong trào các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc. Ban Chỉ đạo Trung ương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Phong trào có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời ban hành kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Phong trào đến các cấp, các ngành và người dân. Ban Chỉ đạo Phong trào các địa phương đã cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương thành những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường phối hợp, kiểm tra hoạt động của Ban Chỉ đạo Phong trào các cấp địa phương, nhất là việc bình xét các danh hiệu văn hóa, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch; quan tâm bố trí kinh phí hoạt động của Phong trào đạt hiệu quả thiết thực, tránh lãng phí nhưng cũng không để thiếu điều kiện hoạt động.

** Về nguồn lực thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa":*

Tại mục IV Điều 1 Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" giai đoạn 2021 - 2026 quy định: "Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước đảm bảo, được cân đối trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, ngành và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, các nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật".

Hiện nay, kinh phí triển khai Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" thực hiện theo Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kêt xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", trong đó kinh phí thực hiện các phong trào, cuộc vận động ở cơ sở, khu dân cư (bao gồm cả thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa") được lồng ghép với kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

*b) Những vấn đề tồn tại, hạn chế so với các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết:* Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp còn hạn chế, một số địa phương sát nhập các Ban Chỉ đạo do đó việc thực hiện trọng tâm các nội dung phong trào có lúc còn dàn trải, không bố trí đủ kinh phí hoạt động cho Phong trào.

*c) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết*

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối việc bố trí kinh phí phù hợp từ ngân sách Trung ương và báo cáo Thủ tướng Chính phủ nếu vượt

thẩm quyền; ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn cần thiết liên quan; tham gia giám sát việc đầu tư, sử dụng kinh phí.

**20. Phát huy trách nhiệm, tính chuẩn mực và sức ảnh hưởng của văn nghệ sĩ đối với xã hội**

*a) Kết quả đạt được:*

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 3196/QĐ-BVHTTDL ngày 13/12/2021 về Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật. Việc triển khai Quy tắc ứng xử được các địa phương trong cả nước thực hiện nghiêm túc và rộng khắp cùng với các hình thức tuyên truyền đa dạng phong phú như:

- Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, mạng xã hội… do ngành, địa phương quản lý nhằm yêu cầu người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị, địa phương chấp hành nghiêm túc nội dung Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

- Lồng ghép quán triệt, tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt Đảng, đoàn thể; tổ chức tuyên truyền lồng ghép trên loa phát thanh, loa di động; tuyên truyền thông qua các buổi họp tổ dân phố; đăng tải trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội… do ngành, địa phương quản lý.

- Bên cạnh đó các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng danh nghĩa của người hoạt động nghệ thuật để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, không đúng với Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

*b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế*

Việc triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật tạo được sự thống nhất, đồng thuận trong Nhân dân, công chức, viên chức, người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật. Bên cạnh các kết quả đạt được, còn một số khó khăn, hạn chế trong việc triển khai thực hiện như:

- Một số địa phương, việc triển khai, phổ biến Quy tắc ứng xử ở các đoàn nghệ thuật tư nhân chưa được thường xuyên do các đơn vị này hoạt động theo mùa diễn, theo từng thời điểm khác nhau nên trong những tháng đầu năm còn tập trung lao động sản xuất.

- Một số viên chức, diễn viên, người lao động công tác trong lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa thực sự quan tâm và nghiêm túc thực hiện Quy tắc ứng xử, nhất là việc đăng tải, bình luận và chia sẻ thông tin trên không gian mạng.

- Quy tắc ứng xử mới chỉ dừng lại ở mức độ tuyên truyền, định hướng, chưa có chế tài xử phạt đối với những nghệ sĩ trong trường hợp có sai phạm.

*c) Giải pháp trong thời gian tới:*

- Tăng cường tuyên truyền Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật không chỉ đối với cán bộ, công chức viên chức, diễn viên… công tác trong lĩnh vực văn học nghệ khối công lập mà còn những lực lượng văn nghệ sĩ trẻ người làm nghệ thuật đang hoạt động tự do, ngoài công lập.

- Xây dựng, ban hành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tư pháp…) để kịp thời phát hiện, xử lý các cá nhân người hoạt động nghệ thuật có hành vi vi phạm Quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, truyền thống văn hóa, ứng xử, phát ngôn tùy tiện trên mạng xã hội.

**21. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy; tăng cường năng lực, hiệu lực đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa**

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quán triệt nghiêm chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn bộ máy tại Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16/01/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ được rà soát, hệ thống hóa đầy đủ theo quy định pháp luật chuyên ngành và phân công của Chính phủ, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ với các Bộ, ngành khác; cơ cấu tổ chức của Bộ được sắp xếp, tổ chức lại đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo chủ trương của Chính phủ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa có phẩm chất, uy tín, am hiểu lĩnh vực, khát khao cống hiến, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

**22. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các Liên hiệp hội thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ**

Hiện tại Chính phủ đang xem xét, cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị định quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, trong đó tập trung rà soát 07 chế độ, chính sách liên quan đến viên chức, người lao động như sau:

- Chế độ hợp đồng lao động đối với diễn viên.

- Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn.

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn.

- Chế độ tiền lương đối với viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn.

- Chế độ bồi dưỡng, phụ cấp ưu đãi nghề đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

- Chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

- Tuổi nghỉ hưu.

Song song với việc bổ sung, điều chỉnh các chính sách về chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng các kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ văn nghệ sĩ các đơn vị trong và ngoài công lập trong nhiều năm qua: Lớp tập huấn diễn viên và nhạc công Sân khấu: Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói; Lớp bồi dưỡng: Dành cho Lãnh đạo, Đạo diễn, Biên kịch, Viết kịch bản Tổ chức sự kiện…

**23. Phối hợp với các địa phương thực hiện tốt chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng, chính sách phát triển đội ngũ nghệ nhân trong lĩnh vực văn hóa**

Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định, thực hiện nội dung "Tặng danh hiệu vinh dự nhà nước" cho các nghệ nhân: Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ; Nghị định số 109/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

Về cơ bản chính sách, chế độ đãi ngộ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đã góp phần động viên các nghệ nhân tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, gìn giữ và quan trọng hơn là truyền dạy cho thế hệ trẻ những giá trị di sản văn hoá phi vật thể mà họ đang nắm giữ, góp phần quan trọng vào sự nghiệp gìn giữ và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc; đồng thời nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể nói riêng, di sản văn hoá nói chung. Hội đồng nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Nghị quyết về chế độ đãi ngộ, chính sách phát triển đội ngũ nghệ nhân (Hà Nội, Bắc Ninh, Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh…).

Tuy nhiên, quá trình triển khai đến nay đã bộc lộ một số hạn chế như: Các tỉnh, thành phố trên cả nước đã triển khai công tác phổ biến, quán triệt nội dung văn bản và tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng đời sống kinh tế theo hướng dẫn của Chính phủ, nhưng một số Nghệ nhân ưu tú không nhận được hỗ trợ do không đạt được tất cả các tiêu chí (tuổi tác, tình trạng sức khỏe, điều kiện người phụng dưỡng, thu nhập bình quân) quy định tại Nghị định số 109/2015/NĐ-CP. Những nội dung còn bất cập đã được đánh giá kỹ lưỡng trong Báo cáo tổng kết

thực thi Luật Di sản văn hóa và Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để từng bước tháo gỡ và khắc phục.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15 theo yêu cầu tại Kế hoạch số 743/KH-UBTVQH15 ngày 26/02/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ**
**TUQ. THỦ TƯỚNG**
**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**